

VỀ VẤN ĐỀ TUYỂN SINH VÀO ĐẠI HỌC

Huỳnh Thanh Triều*

TÓM TẮT

Việc tổ chức thi tuyển vào đại học là một hoạt động cần được xem xét lại, vì nó không phù hợp với nguyên tắc tuyển tính của một qui trình đào tạo. Hậu quả của sự bất hợp lý này là rất nhiều học sinh tốt nghiệp trung học không thể vào đại học, trong khi họ xứng đáng được điều đó. Cách nhìn sau đây mong được góp phần làm sáng tỏ một vấn đề mà chúng ta vẫn quan tâm từ lâu nay.

ABSTRACT

About competitive examination

The competitive examination for universities must be discussed because it doesn't correspond with the linear principle of teaching process. A lot of students who have passed their high schools could not go to university whereas they deserve it. The following point of view is just a contribution to clear up a question we are interested for a long time.

Bất cứ nền giáo dục nào cũng xây dựng qui trình đào tạo của mình theo nguyên tắc tuyển tính, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Một thiết kế như vậy phù hợp với qui luật nhận thức của người học, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý. Tính khoa học của nguyên tắc tuyển tính hiển nhiên đến mức, ở đây, người ta không thấy có gì để nói. Từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, lúc nào mà chẳng vậy? Ở đâu mà chẳng vậy?

Tuy nhiên, khi chúng ta đề ra một nguyên tắc, chúng ta phải biết tôn trọng những hệ quả của nó. Nếu không, sẽ xảy ra tình trạng thiếu nhất quán, tự mình mâu thuẫn với bản thân mình. Thậm chí, tình trạng thiếu nhất quán có thể gây ra vô số bất cập mà cuối cùng chính chúng ta phải đứng ra giải quyết. Đáng tiếc là, trên thực tế, nghịch lý này xảy ra khá thường xuyên.

Nếu một qui trình đào tạo được xây dựng theo nguyên tắc tuyển tính, mỗi bậc đào tạo của nó phải được coi là có quan hệ hữu cơ với giai đoạn liền kề, và bậc học sau là sự phát triển mang tính kế thừa của bậc học trước. Theo lý đó, giáo dục đại học không thể “cao hơn hẳn phổ thông”, như nhiều người vẫn vẫn

* TS., Trường DHSP TP.HCM

khẳng định, mà đơn giản là một sự tiếp nối. Nếu nó “cao hơn hẳn”, sẽ không còn tuyển tính nữa.

Tiếp theo, trên một qui trình tuyển tính, bao gồm nhiều công đoạn nối tiếp nhau, việc hoàn tất công đoạn trước đã là minh chứng đầy đủ cho khả năng bước vào công đoạn sau, không thể có minh chứng nào khác. Tức là khi người học được công nhận *đã qua một giai đoạn đào tạo*, anh ta hoàn toàn có quyền bước vào giai đoạn kế tiếp mà không cần trải qua bất kỳ thử thách nào. Điều này chẳng khác gì việc chúng ta đã chạy được 50 mét thì chúng ta có quyền chạy tiếp 50 mét còn lại để hoàn tất cự ly 100 mét của mình, không có lý do gì để chúng ta phải dừng lại ở nửa đường, trải qua những trắc nghiệm nào đó, để xem chúng ta có khả năng chạy tiếp hay không. Nhìn một cách tổng thể, không chỉ có kỳ thi vào đại học, mà tất cả các kỳ *thi vào* đều không có lý do chính đáng của nó, một khi bản thân qui trình đào tạo đã tuân thủ nguyên tắc tuyển tính, và ở mỗi giai đoạn đào tạo đã có một cơ chế kiểm tra đánh giá. Không thể có thi vào trung học cơ sở, thi vào trung học phổ thông, thi vào cao đẳng, thi vào đại học, thi vào cao học, hay thi vào hệ nghiên cứu sinh. Ở rất nhiều nước trên thế giới, trong hệ thống giáo dục đại chúng, những kỳ *thi vào* như vậy không tồn tại.

Nghịch lý của chúng ta là ở chỗ, một mặt, chúng ta coi nguyên tắc tuyển tính là tất yếu, mặt khác, chúng ta lại qui định việc thi vào đại học, và bằng cách đó chúng ta vô hiệu hóa cái nguyên tắc mà chính mình đã đề ra. Song nghịch lý không dừng lại ở đó. Chúng ta còn đưa ra một khái niệm hết sức khó hiểu: “đạt trình độ phổ thông, nhưng không đủ trình độ vào đại học” (?), một khái niệm cho thấy tính liên tục của qui trình đào tạo hoàn toàn bị triệt tiêu. Khó hiểu hơn, khái niệm này được chính thức hóa trong ngành Giáo dục và thể hiện ngay trong các văn bản của bộ chủ quản. Ngoài xã hội, người dân cũng phải chấp nhận rằng con em mình có thể rơi vào tình trạng “đạt trình độ phổ thông nhưng không đủ trình độ vào đại học”, bởi chẳng ai dám có suy nghĩ khác với quan điểm của các cấp có thẩm quyền. Sau một mùa thi tuyển sinh, không ít nhà giáo vẫn khen ngợi đề thi này hay đề thi nọ là “có độ phân hóa cao” (?), nhưng họ không thấy rằng mình đang chủ trương một điều rất thiếu nhất quán đối với nguyên tắc tuyển tính, và thiếu thận trọng đối với một số rất đông những người đã tốt nghiệp trung học một cách hợp pháp. Nếu chúng ta tôn trọng nguyên tắc tuyển tính, chúng ta phải thấy rằng đạt trình độ phổ thông có nghĩa là đủ trình độ vào đại học, và không đủ

trình độ vào đại học đồng nghĩa với việc chưa đạt trình độ phổ thông. Vì vậy, gạt bỏ một bộ phận lớn những người đã tốt nghiệp trung học ra khỏi ngưỡng cửa đại học là một việc không nên làm, vì nó tạo ra một khoảng cách vô nghĩa giữa hai bậc học vốn phải là liền kề. Nghiêm trọng hơn, nó đã vi phạm quyền sơ đẳng của người đi học.

Còn nếu chúng ta cho rằng “Làm gì có chuyện tốt nghiệp phổ thông thì nghiêm nhiên đủ trình độ vào đại học”, thì chúng ta nên xem lại qui trình đào tạo của mình.

Dĩ nhiên, bên cạnh hệ thống giáo dục đại chúng, có thể tồn tại một hệ thống giáo dục tinh hoa. Mục đích của giáo dục tinh hoa là gì, ai cũng biết, vì vậy có lẽ không cần bàn ở đây. Điều đáng lưu ý, đó là với một mục tiêu không hoàn toàn giống như giáo dục đại chúng, giáo dục tinh hoa vừa tuân thủ nguyên tắc tuyển tính, vừa có quyền chọn lọc cho mình những nhân tố xuất sắc, nhằm chuyển giao một loại tri thức mà không phải ai cũng có thể nắm bắt. Điều đó giải thích tại sao đối với những trường đại học có nhiệm vụ đào tạo tinh hoa, người ta qui định việc thi tuyển, và qui định này không bao giờ gây tranh cãi. Ở nhiều nước trên thế giới, những trường đại học thuộc hệ thống tinh hoa chiếm một con số rất nhỏ, thường là Bách khoa, Y Dược, Kiến trúc, Quốc gia hành chính, Võ bị, Mỹ thuật, Nhạc viện. Trong khi đó, số lượng các trường tổng hợp (universities) lớn hơn rất nhiều, và đối với những trường này, học sinh có bằng tú tài chỉ cần ghi danh để vào học, không phải qua thi tuyển. Như vậy, giáo dục đại chúng đảm bảo sự tiếp nối cho tất cả những ai đã tốt nghiệp trung học, dù kết quả tốt nghiệp của họ là như thế nào, còn giáo dục tinh hoa thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhân tài. Và như vậy, hệ thống giáo dục quốc gia, trong tổng thể của nó, không vi phạm nguyên tắc tuyển tính, không tước đoạt của ai cái quyền *bước vào giai đoạn sau*, khi người đó được pháp lý công nhận là *đã hoàn tất giai đoạn trước*. Vấn đề của giáo dục đại học Việt Nam, đó là “Có phải tất cả các trường của chúng ta đều đào tạo tinh hoa không?”, “Có nên bắt thí sinh của tất cả các trường phải trải qua thi tuyển như chúng ta vẫn làm hiện nay không?”. Ai cũng biết rằng ở bất kỳ quốc gia nào, lực lượng lao động có bằng đại học chủ yếu là những người tốt nghiệp các trường thuộc hệ thống giáo dục đại chúng, chứ không phải là những “người tài”, xuất thân từ các trường thuộc hệ thống đào tạo tinh hoa. Và ai cũng biết rằng trong quá trình học tập, nỗ lực của con người có thể làm thay đổi rất nhiều hình ảnh của anh ta so với thời điểm anh ta bước chân vào đại học, dù người đó có trải

qua thi tuyển hay không. Tri thức được hình thành từ đâu, nếu không phải từ một quá trình?

Song, còn có một lý do khác khiến chúng ta phải xét lại việc thi tuyển.

Như đã nêu, qui trình giáo dục được phân đoạn thành các bậc tiểu học, trung học, đại học và sau đại học. Việc phân đoạn này làm sinh ra các khái niệm *đầu ra*, *đầu vào* giữa các bậc đào tạo: đầu ra của tiểu học là đầu vào của trung học, đầu ra của trung học là đầu vào của đại học, v.v... Các khái niệm trên, suy cho cùng, chỉ là qui ước của con người, nhưng có thể chấp nhận được, vì nó cần thiết cho công tác quản lý. Song, một lần nữa, chúng ta nên nhất quán với những định chế do mình đặt ra. Nếu chúng ta quan niệm rằng mỗi cấp học đều có đầu vào, chúng ta nên thấy rằng *đầu vào* mang tính xã hội hơn là tính hàn lâm. Tức là việc tiếp nhận học viên vào mỗi cấp học phải xuất phát từ sự tôn trọng đối với cái quyền đi học của con người, chứ không phải xuất phát từ mục đích phân loại, nhằm chọn ra những nhân tố “nổi bật”. Khi chúng ta chỉ căn cứ vào tiêu chí “nổi bật” để tiếp nhận một thí sinh, đó là một động thái hoàn toàn mâu thuẫn với khái niệm *đầu vào*, và việc có vi phạm hay không cái quyền đi học của con người lộ ra chính ở điểm này.

Cách đây vài năm, báo chí Việt Nam có đưa tin về việc một cụ bà 70 tuổi, người Mỹ, đã nhận bằng tốt nghiệp của một Học viện Cảnh sát, sau khi đã hoàn tất khóa học của học viện này. Chắc chắn, khi tiếp nhận cụ bà, đã không có lý do nào bị coi là không xác đáng để Học viện Cảnh sát nói trên có thể từ chối một người đang có nguyện vọng đi học. Đây là ví dụ điển hình của một quan niệm rất thoáng về giáo dục, mang tính xã hội hơn là (vội vàng) mang tính hàn lâm, theo đó tri thức là tài sản chung của loài người, và ai cũng có quyền tiếp cận.

Sẽ có người hỏi: “Vậy các trường đại học của chúng ta phải duy trì việc đào tạo cho tất cả các loại học viên hay sao?”. Câu trả lời là “Không”. Đào tạo luôn đồng nghĩa với sàng lọc, bởi vì không phải ai cũng thực sự có khả năng đối với một ngành nghề, không phải ai cũng nghiêm túc trong học tập, và không phải ai cũng theo đuổi việc học hành đến cùng. Song, chúng ta hãy để cho sự sàng lọc diễn ra trong quá trình đào tạo, chứ không phải bằng một kỳ thi được tiến hành ở một thời điểm mà người học chưa có dịp thử sức mình. Căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, qui định của mỗi trường sẽ chỉ ra ai được tiếp tục học, ai phải trả nợ, ai nên chuyển sang một ngành nghề khác, ai phải thôi học. Đó mới là lúc

vấn đề đánh giá người học được đặt ra, và đó mới là lúc các chỉ số về học lực của anh ta được xét đến. Học tập là một hoạt động vừa mang tính xã hội, vừa mang tính hàn lâm. Nhiệm vụ của ngành Giáo dục là xác định cho được khi nào nhìn nó dưới góc độ hàn lâm, khi nào nhìn nó dưới góc độ xã hội.

Mong muốn của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc ghép hai kỳ thi - tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học - là một điều đáng mừng (*Đề án Đổi mới thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh vào trường đại học, cao đẳng, trung cấp. 2008*). Nếu giải pháp nói trên được thực hiện, nó sẽ giảm bớt một kỳ thi mà theo chúng tôi là không cần thiết. Tuy nhiên, trong quan điểm của Bộ, vẫn tồn tại hai khái niệm riêng biệt: *đạt trình độ phổ thông* và *đủ trình độ vào đại học*. Bằng chứng là việc thiết kế bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông được Bộ chủ trương theo tỉ lệ 60/40, trong đó “khoảng 60% số điểm ứng với nội dung ra theo chuẩn kiến thức, kỹ năng trung học phổ thông để công nhận tốt nghiệp và khoảng 40% số điểm ứng với nội dung trong chương trình trung học phổ thông nhưng khó hơn, để phân loại trình độ, xét tuyển sinh” (*Đề án*, trang 8). Bộ cũng chủ trương “Tổ chức tốt kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, đảm bảo cho kết quả của kỳ thi có độ tin cậy và phân hóa cao...” (*Đề án*, trang 25). Tuy nhắm vào việc giảm bớt một kỳ thi, những chủ trương nói trên vẫn để lại một cảm giác lo ngại, ít nhất bởi hai lý do: 1. Về lý thuyết, nguyên tắc tuyển tính tiếp tục bị bỏ qua, vì khoảng cách giữa đầu ra của trung học và đầu vào của đại học vẫn được Bộ hợp pháp hóa. 2. Trên thực tế, sẽ có rất nhiều học sinh được công nhận *đã tốt nghiệp trung học phổ thông*, nhưng bị loại khỏi giáo dục đại học ngay từ đầu, vì khái niệm *đầu vào* vẫn chỉ là hình thức, mang tính *phân hóa* hơn là *đón nhận*.

Dưới một góc độ nhất định, phải công nhận rằng việc thiết kế bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo công thức 60/40 là có cơ sở. Trên thực tế, nội dung giảng dạy của bất kỳ môn học nào cũng là một tổng thể gồm những độ khó khác nhau, và một đề thi tốt nghiệp hoàn toàn có quyền phản ánh cái thực tế đó. Bản thân học sinh, khi bước vào kỳ thi tốt nghiệp trung học, cũng cần biết mình đang ở trình độ nào trong mỗi môn, và ở đâu trong bức tranh tổng thể của kiến thức phổ thông. Tuy nhiên, *sử dụng công thức 60/40 vào mục đích gì?* là chuyện phải bàn. Nếu nó được áp dụng để xác định học sinh nào *đạt*, học sinh nào *không đạt* trình độ trung học, đồng thời giúp các em thuộc nhóm *đạt* có một lựa chọn

ngành nghề phù hợp với khả năng của mình, thì đó là một việc làm hợp lý. Nhưng nếu công thức đó được áp dụng để cho các nhà quản lý tiếp tục “phân hóa” và “xét tuyển sinh”, như *Đề án* đã nêu, thì mọi chuyện gần như không thay đổi so với phương thức thi vào đại học, bởi vì bằng cách đó chúng ta tiếp tục vô hiệu hóa nguyên tắc tuyển tính, tiếp tục áp đặt tiêu chí *vượt trội* thay cho tiêu chí *đạt yêu cầu*, và đặt dấu chấm hết cho việc học tập của nhiều học sinh được công nhận là *đã qua giai đoạn phổ thông*. Trong trường hợp đó, việc ghép hai kỳ thi vào làm một chỉ giải quyết được một vấn đề: tiết kiệm. Trong khi ý nghĩa của việc cải cách đáng lẽ phải nằm ở chỗ tạo nhiều cơ hội hơn cho những người đã tốt nghiệp trung học.

Có một cách giải thích khá phổ biến, theo đó việc phân hóa học sinh đã tốt nghiệp phổ thông là cần thiết, vì trường lớp của chúng ta chưa đủ. Điều này không thuyết phục. Nếu quan sát thực tế, không khó gì để nhận thấy rằng phân hóa là một chủ trương mang tính triết lý, chứ không phải mang tính tình thế, của các cơ quan có thẩm quyền. Nếu không, ở đâu ra khái niệm “đạt trình độ phổ thông, nhưng không đủ trình độ vào đại học”?

Như nhiều ngành nghề khác, ngành giáo dục đã trải qua hàng ngàn năm phát triển. Nhiều định chế của nó, ngày nay, đã trở thành bất di bất dịch. Song, cũng như bất kỳ lĩnh vực nào, ngành giáo dục rất có thể đã để xảy ra trong lòng nó căn bệnh “cơ chế”. Bệnh “cơ chế” biểu hiện ở chỗ chúng ta mãi mê hoàn thiện hệ thống các qui định, đến mức quên đi sứ mạng của bản thân ngành giáo dục, và đưa ra những qui định đi ngược lại cái sứ mạng ấy. Bệnh “cơ chế” biểu hiện ở chỗ chúng ta đinh ninh rằng các qui định càng nghiêm ngặt thì tính khoa học của chúng càng cao, mà không nghĩ rằng sự nghiêm ngặt ấy có thể đã đi quá xa, đến mức phá vỡ cái tính khoa học của một ngành nghề mang tính xã hội và nhân văn. Bệnh “cơ chế” biểu hiện ở chỗ sau rất nhiều năm hành động theo cùng một phương thức, chúng ta trung thành với quan điểm cho rằng phương thức ấy là duy nhất đúng, mà không thấy rằng *quan điểm* đôi khi chỉ là *thói quen*. Và bệnh “cơ chế” còn biểu hiện ở chỗ không ít người nuôi tiếc cái không khí nghiêm trang, nhịp nhàng của những kỳ thi tuyển sinh đại học, mà không thấy rằng ý nghĩa của một động thái xã hội không nằm ở cái “không khí” hay “cung cách” của nó. Không nên quên rằng giáo dục, thực ra, mang một thiên chức hết sức bình dị: đem tri thức đến cho con người. Trong hoạt động đó, quyền của người đi học là rất lớn, và nhà giáo dục phải tìm ra giải pháp tối ưu cho cả hai bên: người

học và thể chế. Khi người dân thấy *việc tiếp cận tri thức* sao mà khó quá, thì điều đó có nghĩa là thể chế đã có vấn đề.